

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HIỆP
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 89/2023/HNGĐ-ST

Ngày 19/12/2023

Về việc “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Ngọc Ái**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Trương Văn Sắc**

2. Bà **Phan Thị Trúc Phương**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Huỳnh Thiên Ân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Trần Công Đình** – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 185/2023/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/11/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28/11/2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thái N** – sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: **ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.**

* *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Thanh N1** – sinh năm 1986 (vắng mặt)

HKTT: **ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang**

Chỗ ở hiện nay: **ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị Nguyễn Thái N trình bày:* Tôi và anh **Nguyễn Thanh N1 kết hôn vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang**. Trước khi chung sống vợ chồng có tìm hiểu nhau trước mới tiến đến hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép.

Vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc đến sau này thì luôn xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do vợ chồng không hoà hợp nhau về cách sống, vợ chồng luôn mâu thuẫn với nhau về kinh tế, anh N1 thường ăn nhậu, ăn chơi cờ bạc, tôi đã khuyên nhiều lần nhưng anh N1 vẫn không thay đổi, vợ chồng sống chung nhà nhưng không cùng nhau chia sẻ được các vấn đề trong cuộc sống, cuộc sống gia đình không có hạnh phúc. Tôi đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không thay đổi được gì. Nay tôi thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa.

- Về con chung: quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thanh T, sinh ngày 16/9/2010 và cháu Nguyễn Chí T1, sinh ngày 02/4/2015, hiện nay các cháu đang sống với vợ chồng.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị N yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thanh N1

- Về con chung: tôi yêu cầu được nuôi cháu T và cháu T1 không yêu cầu anh N1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn anh Nguyễn Thanh N1, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh N1 vẫn không đến Tòa án để tham gia tố tụng và cũng không có bất cứ văn bản nào thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị N.

* **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp phát biểu ý kiến:** Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt không lý do nên không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thái N, cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thái N và anh Nguyễn Thanh N1. Về con chung: Tiếp tục giao cháu T và cháu T1 cho chị N chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh N1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: chị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Thanh N1 với tư cách là bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay anh N1 vắng mặt. Xét thấy anh N1 đã được Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh N1 vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét mối quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh N1 là hôn nhân hợp pháp, vì anh chị chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang, giấy chứng nhận kết hôn số 172 Quyển số 01, ngày 31/12/2009 theo đúng quy định của pháp luật. Phù hợp với Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 được sửa đổi bổ sung năm 2010.

[3] Xét yêu cầu xin được ly hôn của chị N cho thấy vợ chồng anh chị chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, chị N cho rằng Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hoà hợp nhau về cách sống, vợ chồng luôn mâu thuẫn với nhau về kinh tế, anh N1 thường ăn nhậu, ăn chơi cờ bạc, chị N đã khuyên nhiều lần nhưng anh N1 vẫn không thay đổi, vợ chồng sống chung nhà nhưng không cùng nhau chia sẻ được các vấn đề trong cuộc sống, cuộc sống gia đình không có hạnh phúc. Chị N đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không thay đổi được gì.

Sau khi thụ lý vụ án, tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ, nhưng anh N1 không đến Tòa án để tham gia tố tụng, vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh N1 và anh N1 cũng không có bất cứ văn bản nào thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị N.

Tại phiên tòa chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn. Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “ *Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình;....*”. Xét thấy giữa chị N và anh N1 không có tiếng nói chung trong cuộc sống, vợ chồng không quan tâm đến nhau, không cùng nhau chia sẻ trong cuộc sống gia đình, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của chị N.

[4] Về con chung: chị N xác nhận chị và anh N1 có 02 người con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 16/9/2010 và Nguyễn Chí T1, sinh ngày 02/4/2015.

Tại phiên toà chị **N** yêu cầu được nuôi cháu **T** và cháu **T1**, không yêu cầu anh **N1** cấp dưỡng nuôi con.

Tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con, trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”. Xét yêu cầu của chị **N** xin được nuôi cháu **T** và cháu **T1** là phù hợp với nguyện vọng của các cháu, mặt khác anh **N1** cũng không có ý kiến gì về việc chị **N** xin được nuôi cháu **T**, cháu **T1** và chị **N** cho rằng kinh tế của chị đủ để nuôi các cháu nên yêu cầu của chị **N** là có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin được nuôi cháu **T** và cháu **T1** không yêu cầu anh **N1** cấp dưỡng nuôi con của chị **N**. Tiếp tục giao cháu **Nguyễn Thanh T**, sinh ngày 16/9/2010 và cháu **Nguyễn Chí T1**, sinh ngày 02/4/2015 cho chị **N** trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh **N1** không cấp dưỡng nuôi con. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: chị **N** không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là hoàn toàn phù hợp, có cơ sở chấp nhận theo đúng quy định của pháp luật.

[7] Về án phí HNST: Buộc chị **N** phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các Điều 28, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T2 khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Nguyễn Thái N**. Cho ly hôn giữa chị **Nguyễn Thái N** và anh **Nguyễn Thanh N1**.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu **Nguyễn Thanh T**, sinh ngày 16/9/2010 và cháu **Nguyễn Chí T1**, sinh ngày 02/4/2015 cho chị **Nguyễn Thái N** trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh **Nguyễn Thanh N1** không phải cấp dưỡng nuôi con. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị **Nguyễn Thái N** phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0000397 ngày 05/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND huyện Tân Hiệp;
 - Chi cục THADS huyện Tân Hiệp;
 - TAND tỉnh Kiên Giang;
 - UBND xã Thạnh Trị;
 - Các đương sự;
 - Lưu HS.
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Trần Thị Ngọc Ái

